



CHIẾN LƯỢC KINH TẾ ABENOMICS CỦA NHẬT BẢN: NHỮNG MŨI TÊN CHƯA TỚI ĐÍCH

TS. TRẦN THỊ VĂN ANH - Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

Chiến lược kinh tế Abenomics được kỳ vọng đưa Nhật Bản thoát khỏi tình trạng trì trệ kinh tế tồn tại trong hai thập kỷ qua. Sau hơn ba năm thực hiện, mặc dù Abenomics đã tạo ảnh hưởng tích cực đối với nền kinh tế Nhật Bản, nhưng vẫn còn tồn tại một số vấn đề chưa giải quyết được triệt để. Bài viết điểm lại những đặc điểm chính cũng như phân tích những mục tiêu chưa đạt được trong Chiến lược kinh tế Abenomics.

Đặc điểm trong chiến lược kinh tế Abenomics

Để đưa nền kinh tế lớn thứ 3 và nhà xuất khẩu lớn thứ 5 thế giới, đứng thứ 7 về đầu tư nước ngoài một lần nữa trở thành “quốc gia hàng đầu”, sau khi tái đắc cử vào năm 2012 Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe đã ban hành Chiến lược Kinh tế mới Abenomics hay còn gọi là Chiến lược “3 mũi tên”. Mục tiêu chính của Abenomics là thông qua “chính sách tiền tệ táo bạo” (mũi tên thứ nhất) để xoay chuyển tình trạng giảm phát trong nền kinh tế Nhật Bản và thông qua “chính sách tài khóa linh hoạt” (mũi tên thứ hai) để nâng cao nhu cầu thực tế, xóa bỏ lỗ hồng cung cầu, thoát khỏi giảm phát, đồng thời thực hiện “chiến lược tăng trưởng sâu rộng” (mũi tên thứ 3) nhằm khơi dậy sức sống cho nền kinh tế Nhật Bản.

Nội dung cụ thể của Chiến lược Abenomics gồm có (1) Chính sách tiền tệ mở rộng với mục tiêu giảm lãi suất thực, hạ giá đồng Yên nhằm tạo điều kiện phát triển sản xuất, đẩy mạnh xuất khẩu, tăng khả năng cạnh tranh cho hàng hóa Nhật Bản trên thị trường quốc tế; (2) Chính sách thúc đẩy chi tiêu công hỗ trợ tăng trưởng kinh tế cụ thể là tăng ngân sách của năm tài khóa 2013 lên 5,3 nghìn tỷ Yên (60 tỷ USD) và dự kiến chi khoảng 25 nghìn tỷ Yên (260 tỷ USD) trong 5 năm tiếp theo; (3) Chính sách tăng trưởng kinh tế sâu rộng nhằm tạo đà phát triển bền vững cho nền kinh tế Nhật Bản.

Đến cuối năm 2014, ông Abe đề nghị bầu cử trước hạn và tiếp tục tái đắc cử Thủ tướng. Sau khi tái đắc cử, Thủ tướng Shinzo Abe tiếp tục công bố chính sách Abenomics giai đoạn 2 (Abenomics 2.0) với những mục tiêu tham vọng hơn và dài hạn hơn.

Cụ thể là: (1) Tăng trưởng kinh tế thêm khoảng 20% GDP tương ứng 600 nghìn tỷ Yên (5.000 tỷ USD) vào năm 2020; (2) Tăng cường các biện pháp hỗ trợ nuôi và sinh con; (3) Cải thiện an sinh xã hội thể hiện qua việc tăng cường xây dựng thêm nhà dưỡng lão mới để giảm bớt gánh nặng cho lao động trẻ, giúp họ yên tâm làm việc, giảm bớt tình trạng hiện nay hàng năm có hàng chục nghìn lao động Nhật Bản bỏ việc để ở nhà chăm sóc cho bố mẹ già.

Quá trình thực thi Chiến lược Abenomics thời gian qua đã đem lại một số kết quả tích cực cho nền kinh tế Nhật Bản, đặc biệt là khá thành công với 2 mũi tên đầu tiên - “bom” tiền vào thị trường thông qua kích thích hệ thống tài chính và tạo việc làm thông qua chính sách nới lỏng của Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ). Chính sách trọng tăng trưởng trong Abenomics, đặc biệt là chương trình mua lại trái phiếu của BOJ, đã làm tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản tương đối ổn định và đạt được mức tăng trưởng dương tại nhiều thời điểm trong giai đoạn vừa qua, đặc biệt vào năm 2013 khi vừa thực thi chiến lược.

Sự can thiệp mạnh mẽ của BOJ đã làm đồng Yên giảm giá 30% so với USD, khiến cho giá hàng hóa xuất khẩu của Nhật Bản, tăng khả năng cạnh tranh trên các thị trường nước ngoài, đặc biệt là thị trường châu Âu và Mỹ. Động thái này làm xuất khẩu của Nhật Bản có nhiều thời điểm đạt mức tăng trưởng dương, làm tăng thu nhập của các hãng xuất khẩu Nhật Bản. Các biện pháp của BOJ đã góp phần ổn định thị trường chứng khoán, chỉ số MSCI Nhật Bản đã tăng 37% kể từ thời điểm bắt đầu thực thi chính sách Abenomics vào năm 2012.



Những vấn đề tồn tại của chiến lược Abenomics

Câu hỏi đặt ra là liệu chính sách Abenomics có phải là liệu thuốc cho căn bệnh suy thoái của Nhật Bản hay không? Hay nói cách khác chính sách Abenomics có thực sự đạt được các mục tiêu đề ra hay không? Câu trả lời có thể thấy rõ hơn khi phân tích những khía cạnh sau đây:

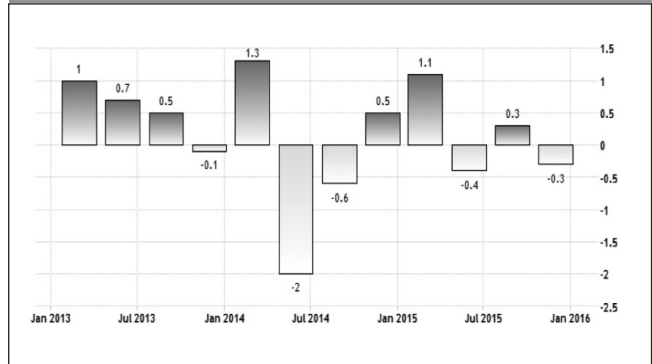
Thứ nhất, tính hiệu quả của chính sách tiền tệ mở rộng.

Trong Chiến lược Abenomics, BOJ đã kiên trì thực hiện chính sách tiền tệ nói lỏng trên quy mô lớn cả về số lượng và chất lượng. Cụ thể, BOJ đã tăng gấp đôi lượng tiền cơ sở từ 138 nghìn tỷ Yên (cuối năm 2012) lên 270 nghìn tỷ Yên (cuối năm 2014) với mục tiêu làm tăng gấp đôi phần đóng góp của tiền cơ sở vào GDP để đạt tới mức gần 60% là tỷ lệ cao nhất từ trước tới nay. Việc mở rộng khối lượng tiền tệ được thực hiện thông qua mua trái phiếu chính phủ có kỳ hạn dài đến 8 năm. Mục đích chính của BOJ là can thiệp lãi suất trên thị trường vốn trong dài hạn để tác động tích cực lên thị trường tài sản thực. Qua đó BOJ có thể tăng tổng cầu của nền kinh tế nhờ mức tiền lương cao hơn, có nhiều đầu tư hơn và lượng hàng hóa tiêu dùng sẽ tăng mạnh hơn ở cuối chuỗi hiệu ứng, phá vỡ tình trạng giảm phát hiện nay của nền kinh tế Nhật Bản.

Nền kinh tế Nhật Bản có dấu hiệu giảm phát vào cuối năm 2014 đã buộc BOJ phải mở rộng phần đóng góp của tiền cơ sở trong GDP từ 70% - 75% tới cuối năm 2015. BOJ tiếp tục tăng khối lượng mua trái phiếu chính phủ có kỳ hạn dài từ 50 nghìn lên 80 nghìn tỷ Yên cũng như triển khai các biện pháp hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp thị trường chứng khoán và bất động sản. Bước sang năm 2016, BOJ đã quyết định áp dụng chính sách lãi suất âm chưa từng có trong tiền lệ đối với các ngân hàng thương mại gửi tiền dự trữ tại BOJ với mục đích khuyến khích ngân hàng cho vay, từ đó thúc đẩy tỷ lệ tăng trưởng của nền kinh tế.

Nguyên nhân của tình trạng này là do cơ chế truyền dẫn chậm của chính sách tiền tệ và đặc thù của nền kinh tế Nhật Bản. Các doanh nghiệp (DN) Nhật Bản chủ yếu dựa vào tín dụng ngân hàng, mà tỷ lệ cho vay tín dụng tại Nhật Bản hầu như không tăng lên bất chấp nhiều ngân hàng thương mại đã hạ lãi suất thế chấp và lãi suất cho vay đối với DN, đặc biệt sau khi BOJ áp dụng chính sách lãi suất âm đầu năm 2016. Mặc dù chính sách lãi suất âm không đồng nghĩa với việc người dân gửi tiết kiệm sẽ phải trả phí, tuy nhiên lãi suất đối với một số khoản tiền gửi đã giảm xuống mức thấp kỷ lục 0,001%. Điều

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA NHẬT BẢN TỪ 2013-THÁNG 1/2016 (%)



Nguồn: Tradingeconomics.com

này có thể đẩy mạnh xu hướng giữ tiền mặt tại nhà của người Nhật thay vì đầu tư hay gửi tiết kiệm trong ngân hàng.

Mặt khác chỉ tiêu cá nhân rơi vào tình trạng đặc biệt yếu ớt mặc dù nền kinh tế thứ ba thế giới phụ thuộc nhiều vào tiêu dùng nội địa. Cụ thể như trong quý IV/2015, tiêu dùng tư nhân, vốn chiếm tới 60% GDP Nhật Bản, đã giảm 0,8%. Nguyên nhân là do dân số già đi và giảm bớt, giá cả hàng hóa tăng lên do đồng Yên mất giá, thuế tiêu dùng tăng từ 5% - 8%, trong khi mức lương danh nghĩa giữ nguyên làm mức lương thực tế giảm...

Thứ hai, hạn chế của chính sách tài khóa nói lỏng.

Chiến lược Abenomics hướng tới nói lỏng chính sách tài khóa cụ thể là thúc đẩy chi tiêu công để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Thực chất chiến lược này không mới vì Nhật Bản vốn nổi tiếng với những gói cứu trợ khổng lồ trong vòng hai thập kỷ vừa qua trong những nỗ lực đưa nền kinh tế nước này ra khỏi tình trạng giảm phát. Trong năm 2013, chi tiêu vượt mức của Chính phủ được tài trợ bởi ngân sách bổ sung đã kích thích sự phát triển kinh tế chậm chạp. Với chính sách tài khóa nói lỏng năm 2014 đã dẫn tới thâm hụt ngân sách nhà nước (NSNN) ở mức 7,1% do thu thuế giảm và nền kinh tế tăng trưởng chậm.

Hiện nay, tổng nợ công của Nhật Bản đã tăng lên mức 230% GDP, gần tương đương với tài sản thực của toàn bộ hộ gia đình của đất nước và tính theo mức thuế hiện nay thì bằng tổng số thu từ thuế của 8 năm. Cho tới nay, 90% mức nợ công của Nhật Bản vẫn bằng đồng Yên. Điều này buộc Chính phủ Nhật Bản trong thời gian tới sẽ có các chính sách thu hút vốn đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài cấp vốn cho các khoản chi tiêu của mình.

Những tác động tích cực tới nền kinh tế do chính sách tài khóa mở rộng lại bị ảnh hưởng phần nào do những cải cách về thuế. Theo kế hoạch thì lộ trình tăng thuế tiêu dùng gồm hai giai đoạn,



trong đó nguồn thu từ giai đoạn thứ nhất dùng để trang trải chi phí an sinh xã hội ngày càng tăng trong bối cảnh dân số Nhật Bản đang già đi. Giai đoạn tăng thuế tiêu dùng lần thứ 2 có mục tiêu giảm một nửa thâm hụt ngân sách để tiến tới thặng dư vào năm 2020.

Trong giai đoạn đầu của lộ trình tăng thuế, mức thuế tiêu dùng đã tăng từ 5% - 8% vào tháng 4/2014. Đây là lần tăng đầu tiên của sắc thuế này kể từ năm 1997 với mục đích giúp Nhật Bản huy động thêm 8.000 tỷ Yên (81,42 tỷ USD) hàng năm. Tuy nhiên, để giảm bớt tác động với nền kinh tế, Chính phủ Nhật Bản cũng đồng thời công bố gói kích thích kinh tế trị giá 5.000 tỷ Yên (50 tỷ USD). Theo đó, Chính phủ hỗ trợ bằng tiền mặt cho các gia đình có thu nhập thấp, hỗ trợ người dân mua nhà, tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng... Chính phủ cũng sẽ giảm thuế đối với các DN đầu tư trang thiết bị và tăng lương cho nhân viên.

Giai đoạn tăng thuế tiêu dùng lần thứ hai tới mức 10% dự kiến sẽ có hiệu lực từ tháng 4/2017. Tuy nhiên, để làm dịu bớt những tác động của việc tăng thuế đối với những người có thu nhập thấp, Chính phủ sẽ không đưa các mặt hàng thực phẩm vào diện bị tăng thuế tiêu dùng. Ngoài ra, quy định mới sẽ giảm 2,51% thuế cho DN và miễn thuế đối với các khoản tiền nhận từ cha mẹ hoặc ông bà khi cưới xin hoặc để chăm sóc con nhỏ.

Chính phủ Nhật Bản cũng tuyên bố sẽ giảm thuế thu nhập DN ít nhất 3,3% trong năm 2016, từ mức hiện tại là 35,6% và đặt mục tiêu duy trì thuế này ở mức từ 20-30% trong vòng vài năm tới. Theo ước tính của Bộ Tài chính Nhật Bản, mức thuế thu nhập DN của nước này hiện đang ở mức cao thứ hai trong nhóm các nước G7, chỉ kém mức 40% của Mỹ, cao hơn nhiều so với mức 24,2% của nước láng giềng Hàn Quốc và 29,6% tại Đức là nền kinh tế lớn nhất châu Âu.

Thứ ba, sự chậm trễ của chính sách tăng trưởng sâu rộng.

Để đạt được mục tiêu thứ ba của Chiến lược Abenomics đòi hỏi thực hiện những cải cách cấu trúc nền kinh tế. Nhìn chung, chính sách cải cách được đề ra trong Chiến lược Abenomics là hợp lý và đúng hướng, ví dụ như khuyến khích phụ nữ trong công việc, tăng cường vai trò của các cổ đông trong quan hệ với công ty cổ phần và nhà đầu tư tổ chức hoặc sự tập trung vào quá trình tự do hóa và bãi bỏ các quy định nhằm khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp và năng lượng. Thêm vào đó, trong chiến lược tăng trưởng kinh tế mà chính quyền Abe đưa ra đã đề cập đến tất cả những lĩnh vực cần ưu

tiên phát triển mang tính lâu dài nhưng không có những biện pháp cụ thể. Ví dụ như trong vòng 10 năm tới cố gắng tăng thu nhập bình quân đầu người lên thêm 1.500.000 Yên (tương đương 15.000 USD), nhưng không đưa ra kế hoạch công việc cụ thể cần phải làm như thế nào để đạt được mục tiêu đề ra.

Một số hàm ý cho Việt Nam

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế của Nhật Bản năm 2016 sẽ đạt mức tăng 1%. Có thể nói, Chiến lược Kinh tế Abenomics đã đem lại những kết quả khả quan bước đầu. Tuy nhiên, những mục tiêu chưa đạt được cho thấy Chính phủ Nhật Bản cần nỗ lực hơn nữa trong việc tìm lời giải cho bài toán tăng trưởng kinh tế bền vững. Vì vậy, việc nhìn nhận lại kết quả thực thi Chiến lược kinh tế Abenomics có thể rút ra một số kinh nghiệm chính sách cho Việt Nam cụ thể như sau:

Thứ nhất, về điều hành các chính sách vĩ mô như chính sách tiền tệ cần phải chú ý độ trễ về thời gian. Khi đưa ra các điều chỉnh chính sách, cần phải lưu ý dành thời gian để cho nền kinh tế có thể hấp thụ được và phát huy được tối đa những tác động tích cực của chính sách.

Thứ hai, trong chiến lược phát triển cần đặc biệt lưu ý tới phát triển hệ thống an sinh xã hội. Hiện nay cơ cấu dân số của chúng ta vẫn là cơ cấu vàng vì vậy hệ thống an sinh xã hội vẫn chưa tạo thành gánh nặng cho NSNN. Tuy nhiên, tình huống này sẽ thay đổi vài thập kỷ tới vì vậy chúng ta cần có những biện pháp dài hạn để đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu an sinh của người dân cũng như giảm bớt gánh nặng cho NSNN.

Thứ ba, mặc dù nợ công hiện vẫn chưa là vấn đề lớn nhưng rõ ràng là quả "bom" tiềm ẩn đối với nền kinh tế Nhật Bản. Đối với Việt Nam quá trình phát triển kinh tế đòi hỏi chúng ta cần phải vay mượn làm gia tăng tỷ lệ nợ công. Mặc dù tỷ lệ nợ công hiện nay vẫn nằm ở ngưỡng cho phép, nhưng chúng ta cần phải sử dụng nguồn tiền vay một cách hợp lý thông qua những chiến lược đầu tư trọng điểm, hiệu quả nhằm giảm bớt lãng phí và thất thoát. 

Tài liệu tham khảo:

1. Alan J. Auerbach & Y. Gorodnichenko, 2014, *Fiscal Multipliers in Japan*, NBER Working Paper No. 19911;
2. De Mooij, R. & I. Saito, 2014, *Japan's Corporate Income Tax: Facts, Issues and Reform Options*, IMF Working Paper No. 14/138;
3. Kazuyuki Sugimoto & J. Ueda, 2013, *Challenges for Japan's Fiscal Consolidation*, Public Policy Review, Vol. 9, No.4;
4. Shizimu Junko & S. Kiyotaka, 2015, *Abenomics, Yen Depreciation, Trade Deficit and Export Competitiveness*, Rieti Discussion Paper Series 15-E-020.